

Bản án số: 562/2025/HS-ST
Ngày 09-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mỹ;

Bà Trương Thị Thu Hà;

Ông Đỗ Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 205/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Ngọc S sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Số X, đường A, khu phố Tân A, phường Tân Đông H, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Đông H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc Th (đã chết) và bà Trịnh Thị Nh; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 04/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực X2 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Bản án số 247/2020/HS-ST.

- Ngày 09/6/2025, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao) xử phạt 14 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 418/2025/HS-PT.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 28 tháng 11 năm 2021, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Ngọc S:* Bà Ha Na P2 - Luật sư Công ty Luật P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1963, nơi cư trú: số B, khu phố Đông A, phường Đông H3, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông H3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

2. Ông Phan Thanh V2, sinh năm 1973, nơi cư trú: số X3, khu phố Tân Ph2, phường Tân B2, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A2, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

3. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp Phú Th3, xã Phú A3, thành phố Bến C2, tỉnh Bình Dương (nay là xã Phú A3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

4. Ông Phan Thanh Ng3, sinh năm: 1976, nơi cư trú: khu phố Phước Th4, phường Thái H4, thành phố Tân U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Kh2, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

5. Ông Võ Văn V3, sinh năm 1975, nơi cư trú: số A5, khu phố Thống Nh4, phường Dĩ A2, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A2, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

6. Ông Đinh Văn Kh4, sinh năm: 1977, nơi cư trú: số E, ấp Tân T5, xã Xuân Thái Đ3, huyện Hóc M2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới S, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Hữu T6, sinh năm 1984 và Bà Trần Thị H5, sinh năm 1987; cùng nơi cư trú: Số X4, đường A4, khu phố Đông T7, phường Dĩ A2, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A2, Thành phố Hồ Chí Minh), ông T6 vắng mặt, bà H5 có mặt;

2. Ông Trần Đình H6, sinh năm 1997, nơi cư trú: số B, khu phố Đông A, phường Đông H3, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông H3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Võ Ngọc S làm nghề mua bán xe mô tô cũ và cho thuê xe ô tô tự lái. S có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Trần Hữu T6 và bà Trần Thị H5 là chủ tiệm cửa hàng mua bán xe máy Linh 3, địa chỉ Số X4, đường A4, khu phố Đông T7, phường Dĩ A2, thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương. Từ 5/2020, S thuê xe ô tô của người khác rồi đem cho thuê lại, sau đó không có người thuê S nảy sinh ý định đem đến tiệm cửa hàng xe máy L5 cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Ngày 23/5/2020, S thuê xe ô tô hiệu Innova, biển số 61A-396.xx của bà Đỗ Thị L, thời hạn thuê 01 năm đến 23/5/2021. Sau đó, S sử dụng xe ô tô của bà L cho người khác thuê lại kiếm lời. Đến ngày 05/8/2020, S cần tiền nên đem xe ô tô của bà L đến cầm cố cho bà Trần Thị H5, S cho bà H5 xem giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và nói với bà H5 chủ xe muốn cầm xe lấy tiền nhưng do bận công việc nên nhờ S cầm giùm, S yêu cầu bà H5 viết hợp đồng cầm đồ rồi S sẽ mang về cho chủ xe ký, lăn tay và đem hợp đồng giao lại cho bà H5. Bà H5 tin tưởng S nên đồng ý nhận cầm xe ô tô 200.000.000 đồng, bà H5 viết hợp đồng cầm đồ tên bà Đỗ Thị L và giao tiền, hợp đồng cho S. S đem hợp đồng cầm đồ về tự ký tên, lăn tay tên Đỗ Thị L rồi đem lại cho bà H5.

Ngày 30/6/2020, S thuê xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander biển số 61A-693.xx của ông Võ Văn V3, thời hạn 05 tháng từ 30/6/2020 đến 26/10/2020. S sử dụng xe của ông Vũ cho người khác thuê lại. Đến ngày 26/7/2020, S đem xe ô tô của ông Vũ đến cửa hàng L5 cầm cho bà H5 lấy 200.000.000 đồng. Bà H5 yêu cầu S đưa hợp đồng cầm đồ về cho chủ xe ký tên, sau đó S tự ký tên, lăn tay tên ông Vũ trên hợp đồng cầm đồ rồi giao cho bà H5.

Khoảng đầu tháng 7/2020, S thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios G, biển số 61A-787.xx của ông Trần Văn V. Hai bên không làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. Ngày 31/7/2020, S đem xe của ông V đến cửa hàng L5 cầm cho ông Trần Hữu T6 lấy 200.000.000 đồng. S tự ký tên ông V trên hợp đồng cầm đồ và giao cho ông T6. Đến ngày 10/10/2020 S và ông Trần Đình H6 (con của ông V) mới ký hợp đồng thuê xe với thời hạn 01 tháng.

Ngày 23/7/2020, S thuê xe ô tô hiệu Ford Evest biển số 61A-584.xx của ông Phan Thanh V2. Đến ngày 16/8/2020, S đem xe ô tô đến cầm cho ông Trần Hữu T6 lấy 230.000.000 đồng. S giả chữ ký của ông Vàng trên hợp đồng cầm đồ và giao cho ông T6.

Ngày 24/7/2020, S thuê xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander biển số 61A-686.xx của ông Phan Thanh Ng3. Cùng ngày 24/7/2020, S đem xe ô tô của ông

Ngọc đến cửa hàng L5 cầm cho ông T6 lấy 250.000.000 đồng. S tự ký tên ông Ngọc trên hợp đồng cầm đồ và giao cho ông T6.

Ngày 26/8/2020, S thuê xe ô tô hiệu Innova, biển số 51G-282.xx của ông Đinh Văn Kh4 thông qua việc ký hợp đồng với ông Phan Thanh Ng3, thời hạn thuê 01 năm đến 26/8/2021. Cùng ngày, S đem xe đến cầm cho bà Trần Thị H5 lấy 250.000.000 đồng. S giả chữ ký của ông Ngọc trên hợp đồng cầm đồ và giao cho ông T6.

Đến ngày 23/11/2020, ông Trần Đình H6 phát hiện Võ Ngọc S thuê xe ô tô sau đó đem đi cầm nên đã đến Công an phường Đồng H3, thành phố Dĩ A2 tố cáo. Ngày 28/11/2020, S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ A2 đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Sau đó, vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để điều tra theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá số 11 ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Dĩ A2 thì 06 xe ô tô Võ Ngọc S chiếm đoạt của bà Đỗ Thị L, ông Võ Văn V3, ông Trần Văn V, ông Phan Thanh V2, ông Phan Thanh Ng3 và ông Đinh Văn Kh4 nêu trên có tổng trị giá 2.830.000.000 đồng.

Theo Bản kết luận giám định số 34 ngày 29/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định:

Hai (02) dấu vân tay mang tên “Đỗ Thị L” dưới mục “Người cầm đồ (Bên B) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) mờ, nhòe không đủ yếu tố giám định.

Chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay (trừ dấu vân tay tại mục 1) mang tên “Phan Thanh Ng3”, “Võ Văn V3”, “Trần Văn V”, “Đỗ Thị L”, “Phan Văn V4” và “Đinh Văn Kh4” dưới mục “Người cầm đồ (Bên B) trên 06 (sáu) “Hợp đồng cầm đồ”, để các ngày 24/7, 26/7, 31/7, 05/8, 16/8, 26/8 năm 2020 (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết và dấu vân tay ngón cái phải, cái trái, trỏ phải, trỏ trái và giữa trái của Võ Ngọc S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M7) do cùng một người ký, viết và in ra.

Theo Kết luận giám định số 473 ngày 08/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định chữ viết trên 05 hợp đồng cầm đồ ký hiệu từ A1 đến A4 và A6 là do bà Trần Thị H5 viết; chữ viết trên hợp đồng cầm đồ ký hiệu A5 là do ông Trần Hữu T6 viết.

Theo Kết luận giám định số 50 ngày 23/02/2022 của của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định:

Chữ viết họ tên Võ Ngọc S trên hợp đồng thuê xe ô tô ngày 30/6/2020 giữa ông Võ Văn V3 với Võ Ngọc S (A1) do S viết ra.

Chưa đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết tên Võ Ngọc S trên: Biên nhận cầm đồ số 04122 đề ngày 23/8/2020 xe 61A-584.xx của ông Phan Thanh V2 (A2); hợp đồng cho thuê xe đề ngày 10/10/2020 xe 61A-787.xx (A3); hợp đồng thuê xe ô tô đề ngày 26/10/2020 xe 61A-693.xx (A4); hợp đồng cầm đồ đề ngày 28/9/2020 xe 61A-508.xx (A5).

- *Vật chứng thu giữ*: 06 (sáu) xe ô tô biển số 61A.396.xx, 61A.787.xx, 61A.584.xx, 61A.686.xx, 61A.693.xx, 51G.282.xx. Ngày 13/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ A2 quyết định trả cho chủ sở hữu.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Trong giai đoạn điều tra, các chủ xe ô tô đã nhận lại xe và không có yêu cầu. Ông Trần Hữu T6 và bà Trần Thị H5 yêu cầu Võ Ngọc S bồi thường số tiền nhận cầm 06 xe ô tô là 1.330.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 214/CT-VKSBD-P1 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố Võ Ngọc S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Ngọc S mức án từ 13 đến 14 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt và có bài bào chữa với nội dung: Thông nhất về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với Võ Ngọc S, không tranh luận bổ sung. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, có hoàn cảnh gia đình khó khăn quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H5 trình bày tranh luận: bà và ông T6 mới kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên chưa có nhiều kinh nghiệm, do trước đó cũng quen biết S, nên bà cũng tin tưởng là các xe ô tô S mang tới cầm là theo yêu cầu của chủ xe, bà không biết việc S giả chữ ký của chủ xe trên các giấy cầm đồ. Nay bà yêu cầu bị cáo S hoàn trả cho bà số tiền 1.330.000.000 đồng đã giao cho S.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ theo quy định tại các Điều 290, 291, 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Quá trình điều tra bị cáo khai nhận: Võ Ngọc S làm nghề kinh doanh xe ô tô tự lái bằng hình thức thuê xe ô tô của cá nhân khác với thời hạn thuê dài, có hợp đồng thuê kéo dài 01 năm, sau đó cho khách thuê lại để hưởng tiền chênh lệch. Vào các tháng 7,8,9/2020, S kinh doanh không thuận lợi, không có thu nhập nên nảy sinh ý định đem các xe này cầm cố cho cửa hiệu cầm đồ L5 do vợ chồng ông T6, bà H5 kinh doanh để có tiền sử dụng việc cá nhân. Sau khi cầm xe, S bỏ mặc, không xử lý trả lại cho chủ sở hữu. Cụ thể, từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020, Võ Ngọc S thuê 06 xe ô tô của bà Đỗ Thị L, ông Võ Văn V3, ông Trần Văn V, ông Phan Thanh V2, ông Phan Thanh Ng3 và ông Đinh Văn Kh4 để cho thuê lại. Sau đó, S lần lượt mang 06 xe ô tô nói trên đến cửa hiệu cầm đồ L5 (thuộc thành phố Dĩ A2, tỉnh Bình Dương, nay là phường Tân Đông H, Thành phố Hồ Chí Minh) để cầm cho bà Trần Thị H5 và ông Trần Hữu T6. Khi cầm cố các xe, S nói với ông T6, bà H5 là các chủ xe nhờ S mang đi cầm, do quen biết nên bà H5, ông T6 tin tưởng và đồng ý để S mang giấy cầm đồ về để các chủ xe ký vào, thực chất là S đã ký vào các giấy này, ông T6, bà H5 không biết. S nhận của ông T6, bà H5 tổng số tiền cầm cố 06 xe là 1.330.000.000 đồng, S tiêu tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020 Võ Ngọc S thuê 06 xe ô tô của bà Đỗ Thị L, ông Võ Văn V3, ông Trần Văn V, ông Phan Thanh V2, ông Phan Thanh Ng3 và ông Đinh Văn Kh4 bằng hình thức hợp đồng có thời hạn, thỏa thuận thời

hạn trong hợp đồng sau đó vì kinh doanh không thuận lợi nên đã dùng thủ đoạn gian dối, đem các xe này cầm cố cho Dịch vụ cầm đồ L5 với số tiền 1.330.000.000 đồng để lấy tiêu xài, xử lý việc cá nhân. Tổng giá trị 06 xe ô tô là 2.830.000.000 đồng. Bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi bị cáo thực hiện của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Hiện nay, tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản với số tiền lớn ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi, giao trả cho các bị hại được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bị cáo Võ Ngọc S bị xử về tội “Cướp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 418/2025/HSPT, ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[7] Đối với hành vi của ông Trần Hữu T6 và bà Trần Thị H5 nhận cầm cố là các xe ô tô, qua điều tra xác định, do quen biết S, tin tưởng S là người đi cầm cố giúp các chủ xe, có đầy đủ các giấy tờ (bà H5, ông T6 đã đưa giấy cầm đồ cho S mang về cho các chủ sở hữu ký tên vào nhưng S không làm mà đã tự lẫn tay

vào mục người cầm cố trên giấy biên nhận cầm đồ) nên ông Trần Hữu T6 và bà Trần Thị H5 không biết các xe ô tô trên là do S thuê lại của người khác và không được phép cầm cố, thế chấp hoặc chuyển nhượng xe thuê. Do vậy, chưa đủ căn cứ xử lý ông T6, bà H5 liên quan đến hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, việc bà H5, ông T6 nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố là vi phạm các quy định về quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 06 xe ô tô của các bị hại Đỗ Thị L, Võ Văn V3, Trần Văn V, Phan Thanh V2, Phan Thanh Ng3 và bị hại Đinh Văn Kh4 quá trình điều tra đã thu hồi giao trả, các bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 1.330.000.000 đồng bị cáo cầm xe cho ông T6, bà H5 cần buộc bị cáo S hoàn trả cho ông T6, bà H5.

[9] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành giao trả cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 4 Điều 175, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc S 14 (mười bốn) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 14 (mười bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 418/2025/HS-PT, ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh), buộc bị cáo Võ Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 28 (hai mươi tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 11 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Võ Ngọc S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Hữu T6 và bà Trần Thị H5 số tiền 1.330.000.000 (một tỷ ba trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Ngọc S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 51.900.000 đồng (năm mươi một triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Hồ sơ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (10);
- Trại Tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Phòng Giám đốc kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án hình sự (03);
- Lưu: VP (9), hồ sơ vụ án, 32, (32).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sang